

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ  
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 162/NMĐSH1-TM

Hậu Giang, ngày 24 tháng 01 năm 2025

V/v cung cấp báo giá hàng hóa cho gói thầu  
GT2025-SCĐK-40 - Mua sắm VTTT C&I  
(phần 2)

**Kính gửi: Các nhà cung cấp**

Chi nhánh phát điện Dầu khí/ Nhà máy Điện Sông Hậu 1 (NMNĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm cho gói thầu GT2025-SCĐK-40 - Mua sắm VTTT C&I (phần 2), NMNĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc:
  - Danh mục hàng hóa: như Phụ lục đính kèm
  - Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành tối thiểu 12 tháng, sản xuất từ năm 2023 trở lại đây.
  - Cung cấp tài liệu nhà sản xuất, cung cấp CO, CQ/các tài liệu liên quan khác.
2. Tiến độ cung cấp: Nhà cung cấp chào thời gian tốt nhất để Nhà máy xem xét.
3. Địa điểm giao hàng: Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Thị Trấn Mái Dầm, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang.
4. Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày báo giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 10h00 ngày 14/02/2025.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email.

7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Thương mại – NMNĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Email: [giangtth@pvpqb.vn](mailto:giangtth@pvpqb.vn); [hanhhlx@pvpqb.vn](mailto:hanhhlx@pvpqb.vn); [nhannh@pvpqb.vn](mailto:nhannh@pvpqb.vn)

NMNĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./. 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- GĐ nhà máy (để b/c);
- Phòng: KTATMT;
- Lưu VT, TM (N.H.N).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK  
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Chính**

**Phụ lục: Mua sắm VTTT C&I (phần 2)**  
**(Đính kèm Công văn số 162 / NMĐSH1-TM ngày 24/01/2025)**

| STT | Tên vật tư/mô tả                               | Oder information (Part N0) | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Nhà Sản xuất | Số lượng mua sắm | Đơn vị | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------|--------|---------|
| 1   | Annual Spares Kit (Silica Analyzer)            | AW601155                   | Bộ phụ kiện thay thế định kỳ hàng năm dùng trong máy phân tích Silica (phù hợp cho máy sản xuất sau T10/2010), bao gồm:<br>con quay (04 cái), bộ lọc PTFE (1 gói), ống bơm nhu động(04 cái)<br>Xuất xứ: ABB/UK<br>- (Tương đương Odercod AW601155 được sử dụng cho máy phân tích Silica ABB navigator 600) | ABB          | 1                | set    |         |
| 2   | Tubing Kit (Silica Analyzer)                   | AW601176                   | Bộ phụ kiện ống thay thế định kỳ dùng trong máy phân tích Silica, Chất liệu PTFE:<br>Ống dẫn màu xanh da trời/xanh lá cây/xám/đen/nâu/cam/ tím/đỏ<br>Xuất xứ: ABB/UK<br>- (Tương đương Odercod AW601176 được sử dụng cho máy phân tích Silica ABB navigator 600)                                           | ABB          | 1                | set    |         |
| 3   | ORP electrode                                  | KDT-01-01                  | ORP electrode KDT-01-01<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                               | KDTMS        | 2                | set    |         |
| 4   | Reference electrode                            | KDT-01-02                  | Reference electrode KDT-01-02<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                         | KDTMS        | 2                | set    |         |
| 5   | Reference electrodedetection line              | KDT-01-07                  | Reference electrodedetection line electrode KDT-01-07<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                 | KDTMS        | 2                | set    |         |
| 6   | Thermometer of water bath                      | KDT-01-03                  | Thermometer of water bath KDT-01-03<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                   | KDTMS        | 2                | set    |         |
| 7   | Thermometer of oil bath                        | KDT-01-04                  | Thermometer of oil bath KDT-01-04<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                     | KDTMS        | 2                | set    |         |
| 8   | Measurement sensor A                           | KDT-01-05                  | Measurement sensor A KDT-01-05<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                        | KDTMS        | 2                | set    |         |
| 9   | Measurement sensor B                           | KDT-01-06                  | Measurement sensor B KDT-01-06<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                        | KDTMS        | 2                | set    |         |
| 10  | Reaction unit beaker                           | KDT-02-01                  | Reaction unit beaker KDT-02-01<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                        | KDTMS        | 2                | set    |         |
| 11  | Round stealer                                  | KDT-02-03                  | Round stealer KDT-02-03<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                               | KDTMS        | 2                | set    |         |
| 12  | Round band heater                              | KDT-02-04                  | Round band heater KDT-02-04<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                           | KDTMS        | 2                | set    |         |
| 13  | Reaction unitnipple (Ø4)                       | KDT-02-08                  | Reaction unitnipple (Ø4) KDT-02-08<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                    | KDTMS        | 2                | set    |         |
| 14  | Reaction unit nipple (Ø6)                      | KDT-02-09                  | Reaction unit nipple (Ø6) KDT-02-09<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                   | KDTMS        | 2                | set    |         |
| 15  | Precise valve                                  | KDT-03-01                  | Precise valve KDT-03-01<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                               | KDTMS        | 2                | set    |         |
| 16  | Titration valve                                | KDT-03-02                  | Titration valve KDT-03-02<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                             | KDTMS        | 2                | set    |         |
| 17  | Airtight valve                                 | KDT-03-03                  | Airtight valve KDT-03-03<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                              | KDTMS        | 2                | set    |         |
| 18  | Dilution/sample/measurement/sample drain valve | KDT-03-04                  | Dilution/sample/measurement/sample drain valve KDT-03-04<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                              | KDTMS        | 2                | set    |         |
| 19  | Dilution tank /cleaning tankvalve              | KDT-03-05                  | Dilution tank /cleaning tankvalve KDT-03-05<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                           | KDTMS        | 2                | set    |         |
| 20  | Gauge glass O-ring                             | KDT-04-02                  | Gauge glass O-ring KDT-04-02<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                          | KDTMS        | 2                | set    |         |
| 21  | Tshapedglass pipe                              | KDT-04-03                  | T shapedglass pipe KDT-04-03<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                          | KDTMS        | 2                | set    |         |
| 22  | Tshapedglass pipe                              | KDT-04-05                  | T shapedglass pipe KDT-04-05<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                          | KDTMS        | 2                | set    |         |
| 23  | Tshapedglass pipe                              | KDT-04-06                  | L shapedglass pipe KDT-04-06<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                          | KDTMS        | 2                | set    |         |
| 24  | Sulfate / sodium oxalate gear                  | KDT-05-01                  | Sulfate / sodium oxalate gear KDT-05-01<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                               | KDTMS        | 2                | set    |         |
| 25  | Potassium permanganate gear                    | KDT-05-02                  | Potassium permanganate gear KDT-05-02<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                 | KDTMS        | 2                | set    |         |
| 26  | Sample gear                                    | KDT-05-03                  | Sample gear KDT-05-03<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                                 | KDTMS        | 2                | set    |         |
| 27  | Sulfate / sodium oxalate gear                  | KDT-06-01                  | Sulfate / sodium oxalate gear KDT-06-01<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                               | KDTMS        | 2                | set    |         |
| 28  | Potassium permanganate gear                    | KDT-06-02                  | Potassium permanganate gear KDT-06-02<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                 | KDTMS        | 2                | set    |         |
| 29  | Sample motor                                   | KDT-06-03                  | Sample motor KDT-06-03<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                                | KDTMS        | 2                | set    |         |
| 30  | Reaction/ sample unit motor                    | KDT-06-06                  | Reaction/ sample unit motor KDT-06-06<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                 | KDTMS        | 2                | set    |         |

| STT | Tên vật tư/mô tả                             | Oder information (Part NO) | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Nhà Sản xuất      | Số lượng mua sắm | Đơn vị | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------|--------|---------|
| 31  | Sample pump                                  | KDT-07-01                  | Sample pump KDT-07-01<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                                                                 | KDTMS             | 2                | set    |         |
| 32  | Reagent pump                                 | KDT-07-02                  | Reagent pump KDT-07-02<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                                                                | KDTMS             | 2                | set    |         |
| 33  | Air pump                                     | KDT-07-03                  | Air pump KDT-07-03<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                                                                    | KDTMS             | 2                | set    |         |
| 34  | Sample tube                                  | KDT-08-01                  | Sample tube KDT-08-01<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                                                                 | KDTMS             | 2                | set    |         |
| 35  | Reagenttube                                  | KDT-08-02                  | Reagenttube KDT-08-02<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                                                                 | KDTMS             | 2                | set    |         |
| 36  | Solenoid valvetube A                         | KDT-08-03                  | Solenoid valvetube A KDT-08-03<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                                                        | KDTMS             | 2                | set    |         |
| 37  | Solenoid valvetube B                         | KDT-08-04                  | Solenoid valvetube B KDT-08-04<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                                                        | KDTMS             | 2                | set    |         |
| 38  | Sample unitstealer                           | KDT-10-01                  | Sample unitstealer KDT-10-01<br>Được sử dụng cho máy phân tích COD KD-2953 của nhà sản xuất KDTMS                                                                                                                                                                                                                                          | KDTMS             | 2                | set    |         |
| 39  | pH Sensor                                    | CPS11D-7BA21               | - Version: Max. 135 °C (275 °F), built-in temperature sensor<br>- Application range: pH = 0 to 14, T = 0 to 135 °C (32 to 275 °F), 16 bar (232 psi), sterilizable<br>- Shaft length: 120 mm (4.72")<br>- Approval: Non-hazardous area                                                                                                      | Endress + Hauser  | 2                | set    |         |
| 40  | Oil Sensor                                   | BA-200                     | - Classification: NEMA 12<br>- Size and Weight: Sensor Unit is 40x15x18 cm at 6,4 kg<br>- Operating Fluid Temperature: Less than 70C<br>- Power: 220VAC, 50/60Hz<br>- Alarm Output: SPST, 5 amp, 220VAC relay<br>- Alarm: Local Visual Lamp and Audio Buzzer<br>- Measuring Range: 2-500 ppm<br>- Measuring Frequency: 7 times per minuite | Inventive Systems | 1                | set    |         |
| 41  | Annual Spares Kit                            | AW601155                   | Bộ phụ kiện thay thế định kỳ hàng năm dùng trong máy phân tích Silica (phù hợp cho máy sản xuất sau T10/2010), bao gồm:<br>con quay (04 cái), bộ lọc PTFE (1 gói), ống bơm nhu động(04 cái)<br>Xuất xứ: ABB/UK<br>- (Tương đương Odercod AW601155 được sử dụng cho máy phân tích Silica ABB navigator 600)                                 | ABB               | 2                | set    |         |
| 42  | Tubing Kit                                   | AW601176                   | Bộ phụ kiện ống thay thế định kỳ dùng trong máy phân tích Silica, Chất liệu PTFE: Ống dẫn màu xanh da trời/xanh lá cây/xám/đen/nâu/cam/ tím/đỏ<br>Xuất xứ: ABB/UK<br>- (Tương đương Odercod AW601176 được sử dụng cho máy phân tích Silica ABB navigator 600)                                                                              | ABB               | 2                | set    |         |
| 43  | Optical Unit (excluding secondary debubbler) | AW601110                   | Cảm biến đo dùng trong thiết bị phân tích Silica, cảm biến quang có sẵn đầu kết nối, không bao gồm bộ lọc bóng khí<br>Xuất xứ: ABB/UK<br>- (Tương đương Odercod AW601110 được sử dụng cho máy phân tích Silica ABB navigator 600)                                                                                                          | ABB               | 2                | set    |         |
| 44  | Tubing Kit                                   | AW501 075                  | Bộ ống thay thế định kỳ dùng trong máy phân tích Natri.<br>Chất liệu: Nhựa<br>- (Tương đương Odercod AW501 075 được sử dụng cho máy phân tích Sodium natri ABB navigator 500)                                                                                                                                                              | ABB               | 2                | set    |         |
| 45  | Membrance filter                             | TK7H6750P1                 | - Material: teflon<br>- Roughness: 0.1 µm                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Fuji Electric     | 4                | PC     |         |
| 46  | Filter element for gas conditioner           | TK7H8043P1                 | - Material: Polyethylene.<br>- Roughness: 0.5 µm                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Fuji Electric     | 2                | PC     |         |
| 47  | Catalyst for NO2/NO converter                | TK726891C1                 | - Carbon beads 2cc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Fuji Electric     | 2                | PC     |         |

#### Yêu cầu khác:

- Địa điểm giao hàng: Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang;
- Chất lượng hàng hóa:
  - + Hàng hóa phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2023 trở lại đây;
  - + Nhà cung cấp có thể chào hàng hóa đúng loại của NSX hoặc loại có tính năng sử dụng tương đương hoặc tốt hơn loại yêu cầu thuộc các nước EU/G7 hoặc OECD, nhưng phải đảm bảo
- Chứng từ kèm theo hàng hóa:
  - + Hàng hóa phải có đầy đủ CO, CQ (bản gốc hoặc bản photo công chứng) do cơ quan có thẩm quyền cấp/tài liệu có tính chất tương tự;
  - + Cam kết bảo hành của bên bán: tối thiểu 12 tháng kể từ ngày bán giao, nghiệm thu hàng hóa đưa vào sử dụng.
  - + Tài liệu của nhà sản xuất hàng hóa.